

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 26-9- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thơm

Bà Lương Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn:

+ Bà Trần Thị M, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Xóm M, xã T, tỉnh Lai Châu.
(Có mặt).

+ Ông Vũ Văn B, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Xóm M, xã T, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt có ủy quyền tham gia tố tụng)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Văn B: Bà Trần Thị M, địa chỉ: Xóm M, xã T, tỉnh Lai Châu. Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 01/4/2025 giữa ông Vũ Văn B và bà Trần Thị M (Có mặt).

- Bị đơn:

+ Chị Đoàn Thị Mỹ D, sinh năm: 1987

+ Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: Bản N, xã T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Trần Thị M và ông Vũ Văn B thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm với chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y. Vào năm 2022, vợ chồng ông Vũ Văn B, bà Trần Thị M đã cho vợ chồng chị Đoàn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn Y vay tổng cộng 03 lần với số tiền gốc là 800.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 21/2/2022 âm lịch, số tiền vay 400.000.000 đồng. Vay không xác định thời hạn, lãi suất theo thoả thuận, trả lãi vào ngày 21 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ 21/3/2022 âm lịch.

Lần 2: Ngày 21/5/2022 âm lịch, số tiền vay 300.000.000 đồng. Vay không xác định thời hạn, lãi suất theo thoả thuận, trả lãi vào ngày 21 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ 21/6/2022 âm lịch.

Lần 3: Ngày 16/7/2022 âm lịch, số tiền vay 100.000.000 đồng. Vay không xác định thời hạn, lãi suất theo thoả thuận. Trả lãi vào ngày 16 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ 16/8/2022 âm lịch.

Khi vay các bên đã lập giấy vay tiền và cùng nhau ký tên vào biên bản. Lãi suất thoả thuận là 1.200.000 đồng/100.000.000 đồng 01 tháng. Tương ứng 1,2%/tháng, 14,4%/năm nhưng không nêu cụ thể trong giấy vay tiền.

Do các khoản vay khoảng thời gian gần nhau nên hàng tháng anh chị D vẫn gộp trả lãi của ba khoản nợ trên cho đến ngày 13/3/2023 thì không trả nữa. Do cần tiền nên ông bà Mơ B1 đã yêu cầu anh chị Dung Y1 trả nợ gốc theo các hợp đồng vay đã ký nhưng không thể liên lạc được với lý do anh chị Dung Yên làm ăn thua lỗ, nợ rất nhiều nơi nên đã đi khỏi địa phương, không ai liên lạc được (trừ người nhà của anh chị). Tính từ tháng 4/2023 đến nay khi lãi đến hạn anh chị không trả lãi của các khoản nợ trên và cũng không trả gốc, cố tình trốn tránh trách nhiệm nên bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Y và chị Đoàn Thị Mỹ D phải thanh toán tổng khoản nợ gốc theo 3 hợp đồng vay tài sản đã ký là 800.000.000 đồng và không yêu cầu anh chị Dung Y1 trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B có sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện: Ông bà thừa nhận, tính đến ngày 13/3/2023 anh chị Dung Y1 đã trả cho ông bà số tiền 264.500.000 đồng, đây là tiền lãi theo thoả thuận tương ứng 1,2%/tháng, 14,4%/năm. Nay bà Trần Thị M,

ông Vũ Văn B yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật dân sự đối với 03 khoản vay đến thời điểm khởi kiện. Nếu số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật ông bà nhất trí cho anh chị Dung Y1 chuyển vào nợ gốc và buộc anh chị trả nợ gốc còn lại. Nếu như anh chị Dung Y1 còn thiếu lãi bà Trần Thị M ông Vũ Văn B không yêu cầu anh chị Dung Y1 phải trả lãi còn thiếu mà chỉ yêu cầu anh chị Dung Y1 trả số tiền 800.000.000 đồng tổng cả 3 hợp đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B đã giao nộp bản gốc 03 hợp đồng vay tài sản, các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của chị Đoàn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn Y. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Đoàn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Văn Y không chấp hành các thông báo, triệu tập của Tòa án, trong đơn phản tố gửi Tòa án, anh chị thống nhất trình bày.

Chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y thừa nhận vay bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B theo các giấy vay tiền đã ký. Anh chị yêu cầu Tòa án xác định số tiền anh chị đã trả cho bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B là 264.500.000 đồng. Các bên xác lập hợp đồng vay không xác định thời hạn nhưng anh chị Dung Y1 không nhận được thông báo trả nợ từ phía ông bà M B1. Hiện nay chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y đang sinh sống ở nước ngoài, việc thụ lý, giải quyết vụ án sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động tổ tụng của anh chị. Tuy nhiên về phương thức trả nợ anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo phương thức bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã cung cấp Đơn phản tố đề tháng 5/2025 (bản gốc) cùng 15 bản sao kê tài khoản ngân hàng của bà Đoàn Thị Mỹ D. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

Tòa án đã tiến hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng chị Đoàn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn Y không nộp và cung cấp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã thông báo trả lại đơn phản tố theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu thụ lý vụ án, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh tại cơ quan Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh L kết quả xác định anh chị Dung Y1 đã sử dụng hộ chiếu xuất cảnh lần gần nhất ngày 28/10/2023 qua sân bay nội bài tới nước Hàn Quốc. Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới nhưng anh chị Dung Y1 không cung cấp. Qua xác minh chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y vẫn

đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã T, tỉnh Lai Châu, Toà án xác định người có nghĩa vụ là bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên đã tiến hành thông báo, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Ngày 27/8/2025 Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản như trong đơn khởi kiện và yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và các ý kiến đã trình bày. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các thông báo, triệu tập của Tòa án nhưng quá trình giải quyết đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét điều kiện về mọi mặt của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 147, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Y và chị Đoàn Thị Mỹ D phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị M và ông Vũ Văn B số tiền đã vay gộp theo 03 hợp đồng tổng số tiền là 800.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B yêu cầu chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y trả nợ số tiền 800.000.000 đồng theo các hợp đồng vay tài sản đã ký, xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Đoàn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn Y đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 11/9/2025 Tòa án mở phiên toà lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, Toà án quyết định hoãn phiên toà. Ngày 26/9/2025, Toà án mở lại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị M có mặt, đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Văn B là bà Trần Thị M có mặt tại phiên toà; các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y.

[3]. Về yêu cầu của các đương sự.

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ 03 bản gốc giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên: bên cho vay: Bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B; bên vay chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y có nội dung:

- Giấy vay tiền đề ngày 21/2/2022 âm lịch, số tiền vay 400.000.000 đồng. Vay không xác định thời hạn, lãi suất theo thoả thuận, trả lãi vào ngày 21 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ 21/3/2022 âm lịch.

- Giấy vay tiền đề ngày 21/5/2022 âm lịch, số tiền vay 300.000.000 đồng. Vay không xác định thời hạn, lãi suất theo thoả thuận, trả lãi vào ngày 21 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ 21/6/2022 âm lịch.

- Giấy vay tiền đề ngày 16/7/2022 âm lịch, số tiền vay 100.000.000 đồng. Vay không xác định thời hạn, lãi suất theo thoả thuận. Trả lãi vào ngày 16 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ 16/8/2022 âm lịch.

Xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn và có tính lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Tổng

số tiền gốc theo 03 hợp đồng là 800.000.000 đồng. Trong đơn phản tố, bị đơn Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y không phủ nhận việc đã vay nợ số tiền gốc nêu trên mà chỉ yêu cầu Toà án xem xét về số tiền anh chị đã trả cho nguyên đơn số tiền 264.500.000 đồng và mong muốn trả nợ còn lại theo phương thức trả dần là 15.000.000 đồng/tháng, kèm theo đó là sao kê tài khoản ngân hàng chứng minh, ngày trả cuối cùng là ngày 13/3/2023. Nguyên đơn bà Trần Thị M và ông Vũ Văn B cũng thừa nhận tính đến ngày 13/3/2023 bị đơn đã trả số tiền 264.500.000 đồng nhưng đây là tiền lãi. Nguyên đơn trình bày lãi suất các bên thoả thuận (không nêu rõ trong hợp đồng) là 1.200.000 đồng/100.000.000 đồng 01 tháng. Tương ứng 1,2%/tháng, 14,4%/năm nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên đã có yêu cầu Toà án tính lãi theo quy định của pháp luật.

Như vậy, về khoản nợ gốc theo 03 hợp đồng vay tiền đã được các đương sự công nhận, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có tranh chấp về số tiền bị đơn đã trả là 264.500.000 đồng (nguyên đơn khai là lãi theo thoả thuận, bị đơn không xác định rõ là gốc hay lãi).

Về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Các bên xác lập hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn và có tính lãi, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và phải thông báo cho bên vay thời gian nhất định. Tuy nhiên, qua sao kê tài khoản ngân hàng của chị Đoàn Thị Mỹ D, lời khai của nguyên đơn xác định ngày cuối cùng bị đơn trả tiền cho nguyên đơn là ngày 13/3/2023, sau thời gian này bị đơn không trả lãi và gốc, nguyên đơn đã liên lạc yêu cầu trả nợ nhưng không được vì lý do anh chị không có mặt tại nơi cư trú. Qua xác minh anh chị Dung Y1 đã xuất cảnh sang Hàn Quốc vào tháng 10/2023 nhưng thông báo cung cấp địa chỉ mới, thông báo, liên lạc với bên cho vay là ông bà Mơ B1. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D đã liên lạc qua ứng dụng Zalo xin lỗi bà Trần Thị M về việc không liên lạc với ông bà. Như vậy, căn cứ quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng bên có nghĩa vụ không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là ngày 14/3/2023.

Xem xét đối với số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn: Các đương sự có tranh chấp về số tiền bị đơn đã trả là 264.500.000 đồng: nguyên đơn khai là lãi theo thoả thuận, bị đơn không xác định rõ là gốc hay lãi, các bên không có tài liệu chứng cứ chứng minh thoả thuận về lãi suất và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật dân sự đối với 03 khoản vay đến thời

điểm khởi kiện. Nếu số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật ông bà nhất trí cho anh chị Dung Y1 chuyển vào nợ gốc và buộc anh chị trả nợ gốc còn lại. Nếu như anh chị Dung Y1 còn thiếu lãi bà Trần Thị M ông Vũ Văn B không yêu cầu anh chị Dung Y1 phải trả lãi còn thiếu mà chỉ yêu cầu anh chị Dung Y1 trả số tiền 800.000.000 đồng góp chung của 03 hợp đồng. Yêu cầu này được đưa ra trước khi Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ tính lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự: Cụ thể:

Theo nguyên đơn khai cả ba hợp đồng vay tài sản đều thể hiện ngày ký hợp đồng là ngày âm lịch. Để đảm bảo chính xác cho việc tính lãi cần quy đổi sang ngày dương lịch. Xác định ngày vi phạm cả ba hợp đồng là ngày 14/3/2023 (ngày anh chị Dung Y1 ngừng trả lãi). Lãi được tính đến thời điểm xét xử là ngày 26/9/2025. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tính đến ngày 13/3/2023 là ngày trả lãi cuối cùng thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 264.500.000 đồng nhưng các đương sự không thống nhất là gốc hay lãi. Do đó cần phân bổ số tiền mà bị đơn đã trả tính đến ngày 13/3/2023. Cụ thể:

1. Hợp đồng vay tài sản ngày 21/2/2022 âm lịch tức ngày 23/3/2022 dương lịch: số tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền đã trả phân bổ đến ngày 13/3/2023 là 132.250.000 đồng. Ngày trả lãi đầu tiên: Ngày 23/3/2022, ngày vi phạm là ngày 14/3/2023 (356 ngày), mức lãi suất là 10% khoản tiền vay trên năm (10%/năm):

- Lãi trong hạn tính đến ngày vi phạm: $400.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 0,89 \text{ năm (356 ngày)} = 39.013.699 \text{ đồng}$.

Số tiền bị đơn đã trả tính đến ngày 13/3/2024 được trả vào gốc là: 93.236.301 đồng. Gốc còn lại tại ngày vi phạm 14/3/2024 là: 306.763.699 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2025: $306,763,699 \text{ đồng} \times 15\% \times 2,53 \text{ năm (927 ngày)} = 116.864.362 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $116.864.362 \text{ đồng} \times 10\% \times 2,53 \text{ năm (927 ngày)} = 29.680.346 \text{ đồng}$.

Tổng lãi: gồm Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả + Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 146.544.709 đồng.

Tổng gốc và lãi phải trả tại ngày xét xử: $306,763,699 \text{ đồng} + 146.544.709 \text{ đồng} = 453.308.408 \text{ đồng}$.

2. Hợp đồng vay tài sản ngày 21/5/2022 âm lịch tức ngày 19/6/2022 dương lịch: số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền đã trả phân bổ đến ngày 13/3/2023 là

99.187.500 đồng. Ngày trả lãi đầu tiên: Ngày 19/6/2022, ngày vi phạm là ngày 14/3/2023 (268 ngày), mức lãi suất là 10% khoản tiền vay trên năm (10%/năm):

- Lãi trong hạn tính đến ngày vi phạm: $300.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 0,65 \text{ năm (268 ngày)} = 22.027.397 \text{ đồng}$.

Số tiền bị đơn đã trả tính đến ngày 13/3/2024 được trả vào gốc là: 77.160,103 đồng. Gốc còn lại tại ngày vi phạm 14/3/2024 là: 222.839.897 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2025: $220.374.144 \text{ đồng} \times 15\% \times 2,53 \text{ năm (927 ngày)} = 84.892.843 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $84.892.843 \text{ đồng} \times 10\% \times 2,53 \text{ năm (927 ngày)} = 21.560.456 \text{ đồng}$.

Tổng lãi: gồm lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả + Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 106.453.299 đồng.

Tổng gốc và lãi phải trả tại ngày xét xử: $222.839.897 \text{ đồng} + 106.453.299 \text{ đồng} = 329,293,196 \text{ đồng}$.

3. Hợp đồng vay tài sản ngày 16/7/2022 âm lịch tức ngày 13/8/2022 dương lịch: số tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền đã trả phân bổ đến ngày 13/3/2023 là 33.062.500 đồng. Ngày trả lãi đầu tiên: Ngày 13/8/2022, ngày vi phạm là ngày 14/3/2023 (213 ngày), mức lãi suất là 10% khoản tiền vay trên năm (10%/năm):

- Lãi trong hạn tính đến ngày vi phạm: $100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 0,50 \text{ năm (213 ngày)} = 5.835.616 \text{ đồng}$.

Số tiền bị đơn đã trả tính đến ngày 13/3/2024 được trả vào gốc là: 27.226.884 đồng. Gốc còn lại tại ngày vi phạm 14/3/2024 là: 72.773.116 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2025: $72.773.116 \text{ đồng} \times 15\% \times 2,53 \text{ năm (927 ngày)} = 27.420.887 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $27.420.887 \text{ đồng} \times 10\% \times 2,53 \text{ năm (927 ngày)} = 7.041.026 \text{ đồng}$.

Tổng lãi: gồm lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả + Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 34.764.593 đồng.

Tổng gốc và lãi phải trả tại ngày xét xử: $72.773.116 \text{ đồng} + 34.764.593 \text{ đồng} = 107.537.709 \text{ đồng}$.

Như vậy: Tổng nợ gốc còn lại của 3 hợp đồng tính đến ngày vi phạm: 602.376.712 đồng. Tổng lãi của 3 hợp đồng tính đến ngày xét xử: 287.762.601 đồng. Tổng cả gốc và lãi còn phải trả tính đến ngày xét xử là: 890.139.314 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu gộp chung cả 03 hợp đồng và yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 800.000.000 đồng, yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi

kiện ban đầu, yêu cầu tính lãi này phát sinh từ cùng một quan hệ pháp luật, việc thống nhất gộp 03 khoản nợ để trả tổng số tiền 800.000.000 đồng tạo điều kiện thuận lợi trong việc thi hành án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y phải trả cho bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B số tiền 800.000.000 đồng. Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn B không yêu cầu anh Nguyễn Văn Y và chị Đoàn Thị Mỹ D trả số tiền lãi còn lại là 90.139.314 đồng. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh chị Dung Y1 chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh chị còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về phương thức trả nợ: Bị đơn có yêu cầu trả nợ theo phương thức trả dần là 15.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên nguyên đơn không nhất trí, yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nội dung này các đương sự có quyền thoả thuận tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3.2]. Đối với nội dung phản tố của bị đơn: Tòa án đã tiến hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng anh chị Dung Y1 không nộp và cung cấp biên lai nộp tiền nên Tòa án đã thông báo trả lại đơn phản tố theo quy định tại các Điều 200, 202 của Bộ luật tố tụng dân sự và xem xét đầy đủ ý kiến của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn là chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyên đơn là bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 91, 92, 147, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự.

- Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B.

Buộc bị đơn chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y phải trả cho bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B tổng số tiền 800.000.000 đồng (*T tám triệu đồng*) là tiền gốc và lãi được tính gộp trên 03 hợp đồng vay tài sản các ngày 21/2/2022 âm lịch, 21/5/2022 âm lịch, ngày 16/7/2022 âm lịch.

Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn B không yêu cầu anh Nguyễn Văn Y và chị Đoàn Thị Mỹ D trả số tiền lãi còn lại là 90.139.314 đồng (*Chín mươi triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh chị Dung Y1 chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh chị còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*). Bị đơn chưa nộp án phí.

Nguyên đơn là bà Trần Thị M, ông Vũ Văn B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) theo biên lai số 0000029 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị M, ông Vũ Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 2 – Lai Châu;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự; Người đại diện theo ủy quyền của đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Quàng Thị Phương